

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 2
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **37/2026/HS-ST**

Ngày: 26/02/2026

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - AN GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Kim Thoa

Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Hồng Tươi

2. Bà Nguyễn Tường Diễm Linh Giang

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hiền Phương - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 - An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - An Giang tham gia phiên tòa: Bà Nghiêm Ngọc Phương - Kiểm sát viên.

Trong ngày **26** tháng **02** năm **2026** tại Toà án nhân dân khu vực 2 - An Giang xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 137/2026/TLST-HS ngày 27 tháng 01 năm 2026, theo định đưa ra xét xử số: 28/2026/QĐXXST-HS ngày 09/02/2026 đối với bị cáo:

Họ và tên: Lê Trọng H, sinh ngày 29 tháng 12 năm 1994;

Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không.

Nơi sinh: Đ, Cà Mau.

Nơi ĐKTT: Ấp Vĩnh Điền, xã Đông Hải, tỉnh Cà Mau.

Chỗ ở: Khu phố Chuông Vích Gành Dầu, đặc khu Phú Quốc, tỉnh An Giang.

Căn cước công dân: 095094007265 cấp ngày 29/9/2022

Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: Lao động tự do. Trình độ học vấn: 12/12.

Cha: Lê Văn N, sinh năm 1976, còn sống.

Mẹ: Thái Thị Thu P, sinh năm 1974, còn sống.

Em: 01 người, sinh năm 1999.

Vợ: Danh Thị Ngọc C, sinh năm 1992 (đã ly hôn).

Con: 01 người, sinh năm 2022.

Tiền án, tiền sự: Không.

Tạm giữ, tạm giam: 01/10/2025

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 20 giờ ngày 30/9/2025, do cần sử dụng chất ma túy nên Lê Trọng H đi bộ đến khu vực chợ G thuộc khu phố G, đặc khu P, tỉnh An Giang gặp người đàn ông (chưa rõ nhân thân) mua 02 viên ma túy và 01 bịch ma túy với số tiền 1.600.000 đồng rồi đem về nhà trọ “Linh Chi” nơi H thuê ở thuộc khu phố C, đặc khu P cất giấu trong phòng trọ. Đến khoảng 21 giờ 10 phút cùng ngày, H để số ma túy vừa mua được vào gói thuốc lá hiệu SAIGON SILVER rồi cầm trên tay đi bộ tìm nơi sử dụng. Lúc này khoảng 21 giờ 20 phút cùng ngày, khi H đi đến đoạn đường thuộc tổ G, khu phố G, đặc khu P, tỉnh An Giang thì bị Công an tỉnh A kiểm tra, phát hiện H đang tàng trữ trái phép chất ma túy để sử dụng nên tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang và thu giữ tang vật. Ngày 09/10/2025, Lê Trọng H bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh A khởi tố, tạm giam để điều tra.

Thu giữ, tạm giữ đồ vật, tài liệu:

01 (một) gói thuốc lá hiệu SAIGON SILVER, bên trong gói thuốc lá có 02 viên nén màu đen, nghi là ma túy và 01 (một) bịch nylon trong suốt, có rãnh gài, viền màu xanh lá, kích thước khoảng 2,5cm x 2,5cm, bên trong có chứa các hạt tinh thể rắn màu trắng không đồng nhất, nghi là ma túy, đã được niêm phong.

Kết luận giám định:

Bản kết luận giám định số: 790/KL-KTHS ngày 07/10/2025 của Phòng K Công an tỉnh A kết luận:

- Mẫu ký hiệu M1 gửi đến giám định là ma túy, loại Methamphetamine, MDMA, Ketamine. Khối lượng mẫu gửi giám định là 0,5982 gam.

- Mẫu ký hiệu M2 gửi đến giám định là ma túy, loại Ketamine. Khối lượng mẫu gửi giám định là 0,6855 gam.

“Methamphetamine là chất ma túy nằm trong danh mục IIC, STT 11, Nghị định 57/2022/NĐ-CP ngày 25/8/2022 của Chính phủ”.

“MDMA là chất ma túy nằm trong danh mục IB. STT 11. Nghị định 57/2022/NĐ-CP, ngày 25/8/2022 của Chính phủ”.

“Ketamine là chất ma túy nằm trong danh mục III, STT 40, Nghị định 57/2022/NĐ-CP, ngày 25/8/2022 của Chính phủ”.

Tại bản Cáo trạng số: 67/CT-VKSKV2 ngày 26 tháng 01 2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – An Giang truy tố bị cáo Lê Trọng H về tội “Tàng

trữ trái phép chất ma túy” theo điểm i khoản 1 Điều 249 BLHS được sửa đổi bổ sung năm 2017; 2024; 2025.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên tham gia phiên tòa giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Lê Trọng H về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm i khoản 1 Điều 249 BLHS.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm i khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 BLHS sửa đổi bổ sung năm 2017; 2024; 2025 xử phạt Lê Trọng H từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù.

Về biện pháp tư pháp: Đề nghị HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 47 Bộ luật sự; Điều 106 Bộ luật tụng hình sự xử lý vật chứng như sau:

Tịch thu tiêu hủy: Mẫu ký hiệu M1 còn lại sau giám định có khối lượng là 0,4005 gam đựng trong 01 (một) bịch nylon; Mẫu ký hiệu M2 còn lại sau giám định có khối lượng là 0,5734 gam đựng trong 01 (một) bịch nilon và bao gói, vật đựng mẫu. Tất cả được niêm phong trong một phong bì và 01 (một) gói thuốc lá hiệu SAIGON SILVER, bên trong rỗng.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại gì về Kết luận giám định số: 790/KL-KTHS ngày 07/10/2025 của Phòng Kỹ thuật sự - Công an tỉnh A và không khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến gì đối với bản cáo trạng và thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như cáo trạng đã công bố và không tranh luận gì đối với quan điểm luận tội của Kiểm sát viên.

Lời nói sau cùng của bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ mức án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan sát điều tra Công an tỉnh A, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – An Giang, Kiểm sát viên, trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục được quy định trong Bộ luật tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố và thừa nhận việc khởi tố, truy tố đối với bị cáo là đúng pháp luật.

Lời khai nhận của bị cáo tại phiên toà phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, biên bản bắt giữ người có hành vi phạm tội quả tang, tang vật thu giữ được trong vụ án, kết luận giám định và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, tang vật còn lại sau giám định là 0,4005 gam ma túy loại Methamphetamin; MDMA; Ketamin và 0,5734 gam ma túy loại Ketamin, số ma túy trên bị cáo mua về cất giữ mục đích để sử dụng.

Từ đó, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định, bị cáo đã tự dùng tiền của mình để mua 1.600.000 đồng được 02 viên ma túy và 01 bịch ma túy của một người đàn ông chưa rõ nhân thân, mang về nhà cất giữ, khi bị cáo mang đi để tìm nơi sử dụng thì bị bắt quả tang. Các loại ma túy nêu trên nằm trong danh mục Nhà nước cấm lưu hành nên hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm i khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017; 2024; 2025 có khung hình phạt từ 03 năm đến 05 năm tù là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

[3]. Về tính chất mức độ hành vi phạm tội: Vào thời điểm thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo có đầy đủ khả năng nhận thức được ma túy là chất gây nghiện, khi sử dụng sẽ gây ảnh hưởng không tốt đến sức khỏe và tính mạng con người, gây ảnh hưởng đến tình hình trật tự tại địa phương, là nguyên nhân dẫn đến những tệ nạn xã hội và các loại tội phạm nguy hiểm khác. Bị cáo thực hiện hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy nhằm để thỏa mãn nhu cầu sử dụng ma túy của bản thân nên cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để cải tạo giáo dục bị cáo trở thành người tốt, đồng thời phòng ngừa chung cho xã hội đối với loại tội phạm này.

[4]. Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ: Tại phiên tòa và quá trình điều tra bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự; gia đình bị cáo có ông nội được tặng huân chương kháng chiến nên HĐXX áp dụng khoản 2 Điều 51 BLHS xem xét khi lượng hình cho bị cáo.

[5]. Về biện pháp tư pháp: Căn cứ khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự xử lý tang vật trong vụ án như sau:

Tịch thu tiêu hủy: Mẫu ký hiệu M1 còn lại sau giám định có khối lượng là 0,4005 gam đựng trong 01 (một) bịch nylon; Mẫu ký hiệu M2 còn lại sau giám định có khối lượng là 0,5734 gam đựng trong 01 (một) bịch nilon và bao gói, vật đựng mẫu. Tất cả được niêm phong trong một phong bì và 01 (một) gói thuốc lá hiệu SAIGON SILVER, bên trong rỗng.

[6]. Về quan điểm của Viện kiểm sát: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – An Giang đề nghị về tội danh, mức hình phạt, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, biện pháp tư pháp đối với bị cáo là có căn cứ, Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

[7]. Đối với người đàn ông chưa rõ nhân thân đã bán ma túy cho bị cáo, Công an tỉnh A tiếp tục làm rõ, xử lý sau.

[8]. Về án phí: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

**Vì các lẽ trên,
QUYẾT ĐỊNH:**

1. Căn cứ pháp luật: Áp dụng điểm i khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017; 2024 và 2025.

Tuyên bố: Bị cáo Lê Trọng H phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Xử phạt: Lê Trọng H: 03 (ba) năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam ngày 01/10/2025.

2. Về biện pháp tư pháp: Căn cứ khoản 1 Điều 47 Bộ luật sự và khoản 2 Điều 106 Bộ luật tụng hình sự.

Tịch thu tiêu hủy: Mẫu ký hiệu M1 còn lại sau giám định có khối lượng là 0,4005 gam đựng trong 01 (một) bịch nylon; Mẫu ký hiệu M2 còn lại sau giám định có khối lượng là 0,5734 gam đựng trong 01 (một) bịch nilon và bao gói, vật đựng mẫu. Tất cả được niêm phong trong một phong bì và 01 (một) gói thuốc lá hiệu SAIGON SILVER, bên trong rỗng.

(Tang vật trên đã được chuyển giao cho Phòng thi hành án Dân sự khu vực 2 – An Giang theo quyết định chuyển vật chứng số: 43/QĐ-VKSKV2 ngày 26/01/2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 và Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 25/02/2026 giữa Công an và Phòng Thi hành án dân sự khu vực 2 – An Giang).

3. Về án phí: Căn cứ Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Bị cáo phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai, báo cho bị cáo biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh An Giang xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND khu vực 2 – An Giang;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà**

- Phân trại tạm giam Phú Quốc;
- Phòng hồ sơ nghiệp vụ C.an tỉnh An Giang;
- Phòng THADS khu vực 2 – An Giang;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án; VP.

Phạm Thị Kim Thoa